



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ: 03-D1/VNM/2025

SỮA CHUA CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK

2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 03-D1/VNM/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam

Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.54155555

Fax: 028.54161226

E-mail: vinamilk@vinamilk.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0300588569

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SỮA CHUA CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK

2. Thành phần:

Sữa (88%) (nước, sữa bột, whey bột, chất béo sữa, sữa tươi chuẩn hóa), đường (9%),
dầu thực vật, gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471), men *Streptococcus*
thermophilus, *Lactobacillus bulgaricus* và *Lactobacillus rhamnosus*, vitamin (D3, A).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Hạn sử dụng: Xem dưới đáy hộp.

Ngày sản xuất: 45 ngày trước Hạn sử dụng (Không bao gồm ngày sản xuất).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách đóng gói:

Đóng gói một vỉ với khối lượng tịnh: 400 g (4 hộp x 100 g)

(sai số định lượng phù hợp quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa
học và Công nghệ)

4.2 Chất liệu bao bì:



Sản phẩm được chứa trong bao bì hộp nhựa HIPS chuyên dùng cho thực phẩm, đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản phẩm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Vinamilk

Sản xuất tại các nhà máy sau:

- Nhà máy Sữa Thống Nhất (ký hiệu A) - 12 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Trường Thọ (ký hiệu B) - 32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Cần Thơ (ký hiệu C) - Khu công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Bình Định (ký hiệu E) - Số 87 đường Hoàng Văn Thụ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Đà Nẵng (ký hiệu P) - Lô Q, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Nhà máy Nước Giải Khát Việt Nam (ký hiệu I) - Lô A (A_9_CN và A_2_CN) đường NA7, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Lam Sơn (ký hiệu L) - Khu công nghiệp Lễ Môn, Phường Quảng Hưng, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Việt Nam (ký hiệu M) - Lô A-4,5,6,7-CN đường NA7, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Nghệ An (ký hiệu N) - Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Sài Gòn (ký hiệu S) - Lô 1-18 khu G1, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, Hương Lộ 80, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Tiên Sơn (ký hiệu T) - Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

05885
ÔNG T
Ổ PHẢI
SỮA
ỆT NA
T.P HỒ C

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Theo quy định của văn bản kỹ thuật: QCVN 5-5:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.
2. Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 03-D1/VNM/2025.

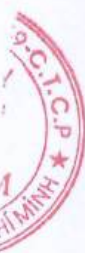
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Mai Kiều Liên



Design code: 0D78VSD21

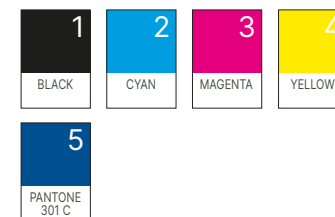


**TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**



Nguyễn Quốc Khánh

Colors



BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 03-D1/VNM/2025

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam
Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028.54155555 Fax: 028.54161226
E-mail: vinamilk@vinamilk.com.vn

1. Tên sản phẩm: SỮA CHUA CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK

2. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng sệt, mịn, đồng nhất khi khuấy đều
2	Màu sắc	Màu trắng đục, đặc trưng của sản phẩm
3	Mùi vị	Thơm, ngọt, hơi chua, đặc trưng của sản phẩm



3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100 g	≥ 88,38
2	Chất đạm	g/100 g	≥ 3,15
3	Chất béo	g/100 g	≥ 2,70
4	Cacbohyrat	g/100 g	≥ 12,87
5	Đường tổng số	g/100 g	≥ 9,8
6	pH	-	4,0 - 4,6
7	Natri	mg/100 g	≥ 36
8	Calci	mg/100 g	≥ 88
9	Vitamin A	IU/100 g	≥ 160
10	Vitamin D3	IU/100 g	≥ 48

Hàm lượng các vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

4. Chỉ tiêu an toàn:

4.1. Giới hạn về vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	<i>L. monocytogenes</i>	CFU/g	100

4.2. Giới hạn về kim loại nặng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/kg	0,02
2	Stibi	mg/kg	1,0
3	Arsen	mg/kg	0,5
4	Cadmi	mg/kg	1,0
5	Thủy ngân	mg/kg	0,05

8569-C
CÔNG TY
HÀNG
A
NAM
HỒ CHÍ MINH

4.3. Giới hạn về hóa chất không mong muốn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
2	Melamin	mg/kg	2,5

4.4. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y và Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp QCVN 5-5:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men

5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp, không cần chế biến.
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản lạnh ở 2 °C - 8 °C.

- Công dụng: Sản phẩm bổ sung Vitamin D3 và A.
- Dinh dưỡng cho gia đình.
- Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.
- Lượng dùng đề nghị: Dùng 2 - 3 hộp mỗi ngày.
- Lưu ý: Dùng hết sau khi mở.
- Sản phẩm: Có chứa sữa.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Mai Kiều Liên



BẢN THÔNG TIN NHU CẦU DINH DƯỠNG RNI

Sữa chua có đường - Vinamilk

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố trong 100 g	Giá trị trên nhãn trong 100 g	Mức đáp ứng theo nhu cầu dinh dưỡng (%) DV trong 100 g sản phẩm						
				1-3 tuổi	4-6 tuổi	7-9 tuổi	10-18 tuổi	19-49 tuổi	50-60 tuổi	> 60 tuổi
Calci(*)	mg	≥ 88	110	22	18,3	15,7	11	15,7	11	11
Vitamin A	IU	≥ 160	200	15	13,3	12	10	10	10	10
Vitamin D3	IU	≥ 48	60	30	30	30	30	15	15	10

Ghi chú:

% DV: Mức đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (tính bằng % mức đáp ứng) của lượng vitamin và khoáng chất trung bình theo RNI được công bố trên nhãn sản phẩm cho 100 g sản phẩm.

Mức khuyến nghị RNI theo phụ lục “Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam” ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế.

(*) Hàm lượng Calci có tự nhiên trong sữa.



CƠ CHẾ TÁC DỤNG VÀ TÀI LIỆU CHỨNG MINH

Sữa chua có đường - Vinamilk

1. Cơ chế tác dụng:

- Sản phẩm bổ sung Vitamin D3 và A.

Sản phẩm với các thành phần vitamin và khoáng chất:

- **Vitamin A:** có tác dụng bảo vệ mắt, chống quáng gà và bệnh khô mắt, đảm bảo sự phát triển bình thường của bộ xương, răng, bảo vệ niêm mạc và da, tăng cường sức đề kháng của cơ thể chống lại các bệnh nhiễm khuẩn (Tài liệu 2.1, trang 86).
- **Vitamin D3:** giúp cơ thể sử dụng tốt calci và phospho để hình thành và duy trì hệ xương, răng vững chắc (Tài liệu 2.1, trang 89).
- **Calci:** giúp cơ thể hình thành hệ xương và răng vững chắc, đảm bảo chức phận thần kinh và sự đông máu bình thường (Tài liệu 2.1, trang 56).

2. Tài liệu chứng minh:

2.1 Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam. Bộ Y tế, Viện Dinh Dưỡng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội (2016).

0058
CÔNG
CỐ PH
SỬ
IẾT
- T.P.T

CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03-D1/VNM/2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP QUY

1. Ngày đánh giá: 22/04/2025
2. Địa điểm đánh giá: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
3. Tên sản phẩm: SỮA CHUA CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK
4. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 5-5:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.
5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm: Viện Kiểm nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia (Viện KNQG); Viện Y tế Công Cộng Thành phố Hồ Chí Minh (Viện YTCC).
6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:
 - Phương thức đánh giá: Phương thức 1 (Thử nghiệm mẫu điển hình), theo quy định Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
 - Đối chiếu kết quả thử nghiệm theo Phiếu kiểm nghiệm :
 - + Viện KNQG: Số 34508/PKN-VKNQG, 34504/PKN-VKNQG, 34503/PKN-VKNQG, 34505/PKN-VKNQG, 34506/PKN-VKNQG ngày 14/08/2024; + Viện YTCC: Số 000838/VYTCC, 000839/VYTCC ngày 10/01/2025; cho thấy mẫu điển hình có kết quả đánh giá phù hợp với QCVN 5-5:2010/BYT (đính kèm bản đánh giá).
7. Các nội dung khác (nếu có):
8. Kết luận: Sản phẩm phù hợp với QCVN 5-5:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.

Người đánh giá



Nguyễn Quốc Khánh

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức
TỔNG GIÁM ĐỐC



Mai Kiều Liên



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Sản phẩm: SỮA CHUA CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả/ Kết quả thử nghiệm	Giới hạn theo QCVN 5-5:2010/BYT	Đánh giá
I. Chỉ tiêu hóa lý					
1	Hàm lượng protein sữa đối với các sản phẩm sữa lên men không qua xử lý nhiệt (*)	%	3,149	$\geq 2,7$	Đạt
II. Kim loại nặng					
1	Chì	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)	$\leq 0,02$	Đạt
2	Stibi	mg/kg	KPH (LOD: 0,01)	$\leq 1,0$	Đạt
3	Arsen	mg/kg	KPH (LOD: 0,007)	$\leq 0,5$	Đạt
4	Cadmi	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)	$\leq 1,0$	Đạt
5	Thủy ngân	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)	$\leq 0,05$	Đạt
III. Độc tố vi nấm					
1	Aflatoxin M1	$\mu\text{g/kg}$	KPH (LOD: 0,01)	$\leq 0,5$	Đạt
IV. Melamin					
1	Melamin	mg/kg	KPH (LOD: 0,05)	$\leq 2,5$	Đạt
V. Dư lượng thuốc thú y					
1	Các chỉ tiêu dư lượng thuốc thú y	$\mu\text{g/kg}$	Không phát hiện	theo Giới hạn QCVN 5-5:2010/BYT	Đạt
VI. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật					
1	Các chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	mg/kg	Không phát hiện	theo Giới hạn QCVN 5-5:2010/BYT	Đạt
VII. Chỉ tiêu vi sinh vật					
1	L. monocytogenes	CFU/g	KPH (LOD: 10)	≤ 100	Đạt

Ghi chú:

(*) Hàm lượng chất đậm sữa (protein sữa) trong sản phẩm:

STT	Các chỉ tiêu thành phần trung bình	Hàm lượng	Kết quả thử nghiệm
1	Hàm lượng chất đậm (theo thông tin ghi nhãn)	3,5%	3,70%
2	Hàm lượng chất đậm từ sữa bột gầy	3,033%	(a)
3	Hàm lượng chất đậm từ whey bột	0,114%	(b)
4	Hàm lượng chất đậm từ sữa tươi	0,002%	(c)
5	Hàm lượng chất đậm sữa (tổng đậm từ sữa bột gầy, whey bột và sữa tươi)	3,149%	(a)+(b)+(c)

(a), (b) và (c): Theo công thức sản phẩm